

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

Giấy, bút, thẻ chữ số 0–9 và bảng hàng do người lớn kẻ. Thẻ giá trị có thể thay cho nhiều đơn vị theo quy ước; không cần đếm hàng triệu đồ vật.

Đọc đúng dữ kiện của từng nhiệm vụ; em có thể viết, lập bảng hàng hoặc dùng thẻ giá trị để giải thích.

Kiểm lại kết quả bằng cấu tạo số, phép tính ngược hoặc một cách khác phù hợp.

BÀI 1

Nhận các hàng trong một lớp

Kể tên ba hàng trong mỗi lớp và nhận quan hệ mười đơn vị một hàng đổi thành một đơn vị hàng kế tiếp.

VÍ DỤ

Lớp nghìn có hàng nghìn, chục nghìn, trăm nghìn. Lớp triệu có hàng triệu, chục triệu, trăm triệu. Mười đơn vị một hàng bằng một đơn vị hàng bên trái.

1 Kể tên ba hàng trong lớp nghìn theo thứ tự giá trị tăng.

2 Kể tên ba hàng trong lớp triệu theo thứ tự giá trị tăng. Một chục triệu bằng bao nhiêu triệu?

3 Bạn nói 1 triệu bằng 10 nghìn. Em sửa và dùng phép nhân để kiểm.

4 Viết số gồm 2 triệu và 5 trăm nghìn; đọc lại số.

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

BÀI 2

Ba lớp đơn vị, nghìn và triệu

Xác định lớp đơn vị, lớp nghìn, lớp triệu và ba hàng trong mỗi lớp.

VÍ DỤ

34 526 718 gồm lớp triệu 34, lớp nghìn 526 và lớp đơn vị 718. Lớp triệu có hàng triệu, chục triệu, trăm triệu.

1 Tách 128 405 672 thành ba lớp, ghi tên từng lớp.

2 Trong 76 903 218, chữ số 9 thuộc hàng nào, lớp nào?

3 Viết số có lớp triệu là 7, lớp nghìn là 12, lớp đơn vị là 5.

4 Bạn tách 45 006 123 thành lớp triệu 450 và lớp đơn vị 6123. Em sửa cách tách.

BÀI 3

Giá trị của chữ số theo vị trí

Nêu giá trị của một chữ số trong số đến lớp triệu.

VÍ DỤ

Trong 315 204 678, chữ số 5 ở hàng triệu nên có giá trị 5 000 000. Cùng chữ số 5 ở hàng chục nghìn sẽ chỉ 50 000.



Họ và tên: _____

Lớp: _____

Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

Bài 3 · tiếp tục

1 Trong 482 715 306, chữ số 8 và chữ số 3 lần lượt có giá trị bao nhiêu?

2 Trong 64 352 871, chữ số nào ở hàng chục nghìn? Giá trị của nó là bao nhiêu?

3 Chữ số 7 trong 7 403 216 và trong 4 703 216 khác nhau về giá trị thế nào?

4 Bạn nói chữ số 2 trong 120 405 608 có giá trị 2 triệu. Em kiểm và sửa.

BÀI 4

Vai trò của chữ số 0 trong các hàng

Giữ đúng vị trí các chữ số 0 khi tách lớp, ghép số và tự kiểm.

VÍ DỤ

Lớp triệu 40, lớp nghìn 3, lớp đơn vị 8 viết 40 003 008. Không bỏ các chữ số 0 giữ vị trí trong những lớp phía sau.

1 Viết số có lớp triệu 205, lớp nghìn 0, lớp đơn vị 17.

2 Tách 80 050 006 thành ba lớp và nêu giá trị chữ số 5.



Họ và tên: _____

Lớp: _____

Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

Bài 4 · tiếp tục

3 Bạn muốn viết 12 triệu 4 nghìn 9 đơn vị nhưng ghi 12 409. Em sửa và giải thích.

4 Chọn số đúng với 7 triệu + 30 nghìn + 2: 7 030 002 hay 7 003 002. Nêu một căn cứ.

BÀI 5

Tạo số từ các hàng và lớp

Viết số thành tổng giá trị các chữ số và ghép lại từ các hàng.

VÍ DỤ

 $23\,406\,015 = 20\,000\,000 + 3\,000\,000 + 400\,000 + 6000 + 10 + 5.$

Các hàng có chữ số 0 đóng góp giá trị 0.

1 Viết 52 304 708 thành tổng giá trị các chữ số khác 0.

2 Ghép $300\,000\,000 + 8\,000\,000 + 40\,000 + 600 + 2$ thành một số.

3 Viết số gồm 9 chục triệu, 4 triệu, 2 trăm nghìn, 5 nghìn và 7 chục.

4 Một bạn viết $6\,020\,305 = 6\,000\,000 + 20\,000 + 300 + 5$. Đẳng thức đúng không? Nói các hàng bị lược vì có giá trị 0.
